

CÔNG TY CỔ PHẦN CT HUNG THỊNH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CT HUNG THỊNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CT HUNG THINH JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110459981

3. Ngày thành lập: 23/08/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà TT21, 61 Đường Nguyễn Văn Giáp, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 09733334262

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa Môi giới mua bán hàng hoá (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4610
2.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại nhà nước cấm)	4620
3.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
4.	Bán buôn thực phẩm	4632
5.	Bán buôn đồ uống	4633
6.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
7.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh	4649
8.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
9.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (Trừ thiết bị thu phát sóng)	4652

10.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi; - Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế; - Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; - Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác; - Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính;	4659
11.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
12.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Trừ loại nhà nước cấm) Chi tiết: Bán buôn hoá chất công nghiệp như: Anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...;	4669
13.	Trồng lúa	0111
14.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
15.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
16.	Trồng cây mía	0114
17.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
18.	Trồng cây lấy sợi	0116
19.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
20.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
21.	Trồng cây hàng năm khác	0119
22.	Trồng cây ăn quả	0121
23.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
24.	Trồng cây điều	0123
25.	Trồng cây hồ tiêu	0124
26.	Trồng cây cao su	0125
27.	Trồng cây cà phê	0126
28.	Trồng cây chè	0127
29.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
30.	Trồng cây lâu năm khác	0129
31.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
32.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
33.	Chăn nuôi khác Chi tiết: Nuôi ong, nhân giống ong và sản xuất mật ong	0149
34.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
35.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161

36.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; loại trừ hoạt động đấu giá	8299
37.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
38.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
39.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
40.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
41.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
42.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
43.	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu	9529
44.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
45.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (trừ tư vấn pháp luật bất động sản) Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản; Dịch vụ tư vấn bất động sản Dịch vụ quản lý bất động sản Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản	6820
46.	Quảng cáo (Trừ loại nhà nước cấm)	7310
47.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Không bao gồm hoạt động điều tra và hoạt động nhà nước cấm)	7320
48.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại nhà nước cấm)	4690
49.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
50.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
51.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
52.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
53.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
54.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
55.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
56.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
57.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
58.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
59.	Sản xuất đường	1072

60.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
61.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
62.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
63.	Sản xuất chè	1076
64.	Sản xuất cà phê	1077
65.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
66.	Sản xuất sợi	1311
67.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
68.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
69.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
70.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục) (trừ trang phục)	1392
71.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
72.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
73.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
74.	Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
75.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
76.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
77.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
78.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
79.	Sản xuất giày, dép	1520
80.	In ấn (Trừ loại nhà nước cấm)	1811
81.	Dịch vụ liên quan đến in (Trừ rập khuôn tem)	1812
82.	Sao chép bản ghi các loại (Trừ loại nhà nước cấm)	1820
83.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023(Chính)
84.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu Chi tiết: Sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc	2100
85.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
86.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
87.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
88.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
89.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
90.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
91.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
92.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731

93.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
94.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
95.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
96.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
97.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
98.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
99.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
100.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
101.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
102.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (Trừ bán lẻ vàng, súng, đạn, tem và tiền kim khí, hoạt động của đấu giá viên)	4789
103.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đấu giá) Chi tiết: Dịch vụ thương mại điện tử	4791
104.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá)	4799
105.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
106.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
107.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
108.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
109.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
110.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
111.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
112.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
113.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
114.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
115.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771

116.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Cơ sở bán lẻ thuốc, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền - Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
117.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ vàng, súng đạn, tem và tiền kim khí)	4773

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 100.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	PHẠM HÙNG CUÔNG	Thôn 6, Xã Quang Trung, Thị xã Bim Sơn, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	10.000	100.000.000	10,000	038086014138	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	10.000	100.000.000	10,000		

2	TRẦN ANH DUY	Khu 12, Thôn Kim Bí, Xã Tiên Phong, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	10.000	100.000.000	10,000	001091021350
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	10.000	100.000.000	10,000	
3	PHẠM THỊ THUY	Khu 12, Thôn Kim Bí, Xã Tiên Phong, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	80.000	800.000.000	80,000	038191002405
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	80.000	800.000.000	80,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN ANH DUY

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 01/10/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001091021350

Ngày cấp: 24/07/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Khu 12, Thôn Kim Bí, Xã Tiên Phong, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Khu 12, Thôn Kim Bí, Xã Tiên Phong, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội